

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
Số: 2664/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ba Đình, ngày 23 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và
THCS thuộc quận Ba Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 và 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 28/12/2019 ban hành Định mức xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 28/12/2019 Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 về sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Theo văn bản số 1408/UBND-KT ngày 20/4/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ đối với các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách Thành phố;

Thực hiện Quyết định của UBND quận Ba Đình: số 2454/QĐ-UBND ngày

05/11/2020 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình; số 2470/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án;

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng do Công ty Cổ phần tư vấn Viglacera lập đã được Công ty Cổ phần CONINCO 3C xác nhận thẩm tra;

Theo văn bản số 831/QLĐT ngày 20/11/2020 của Phòng Quản lý đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình số 2566/TTr-BDA ngày 19/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình và báo cáo của Phòng Quản lý đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình.
2. Thuộc dự án đầu tư: Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình.
3. Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: tại 28 trường học thuộc quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. (có danh sách kèm theo)
5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn Viglacera.
6. Chủ nhiệm, chủ trì lập thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Chủ nhiệm đồ án: KTS. Lê Văn Hậu.
7. Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần CONINCO 3C.
8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
 - Giải pháp thiết kế:
 - + Hệ khung mái che sử dụng hệ khung thép
 - + Móng cọc BTCT tiết diện 200x200mm (hoặc móng đơn tùy theo từng loại mái).
 - Giải pháp thiết kế mái bạt của 28 trường phụ thuộc vào kích thước, vị trí lắp đặt của các trường, được thực hiện 3 loại:
 - + Loại 1 (lắp đặt tại 03 trường): mái bạt xếp lượn sóng di động chia làm 2 cấp, dốc về 2 bên, có moto điện kéo mái bạt chạy trên đường ray sắt U dày 2mm.
 - + Loại 2 (lắp đặt tại 23 trường): mái bạt xếp lượn sóng di động chia làm 1 cấp, dốc về 2 bên, moto điện kéo mái bạt chạy trên đường ray sắt U dày 2mm.
 - + Loại 3 (lắp đặt tại 02 trường): mái bạt di động có tay co đỡ mái, moto điện

cuốn mái.

(Chi tiết xem thiết kế bản vẽ thi công do Công ty Cổ phần tư vấn Viglacera lập, đã được Công ty Cổ phần CONINCO 3C thẩm tra và đóng dấu xác nhận).

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 33.295.557.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

a. Chi phí xây dựng	25.466.952.000 đồng
b. Chi phí thiết bị	1.971.600.000 đồng
c. Chi phí quản lý dự án	545.778.000 đồng
d. Chi phí tư vấn ĐTXD	1.834.652.000 đồng
e. Chi phí khác	443.148.000 đồng
g. Chi phí dự phòng	3.033.427.000 đồng
Tổng cộng (làm tròn):	33.295.557.000 đồng

(Chi tiết xem hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty Viglacera lập, đã được Công ty Cổ phần CONINCO 3C thẩm tra và đóng dấu xác nhận).

10. Thời hạn sử dụng công trình: Theo quy định đối với công trình cấp III.

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Thiết kế áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Hoàn chỉnh một số nội dung theo yêu cầu của Phòng Quản lý đô thị tại thông báo kết quả thẩm định số 831/QLĐT ngày 20/11/2020 trước khi triển khai các bước tiếp theo. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình đề nghị phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án tuân thủ các quy định của pháp luật, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND quận đối với các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư.

- Trước khi thi công, Chủ đầu tư phải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định. Khớp nối tiến độ thực hiện với dự án cải tạo trường học đang triển khai để đảm bảo đồng bộ. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan phải giám sát chặt chẽ, xử lý kịp thời những phát sinh để đảm bảo cho công trình an toàn và ổn định trong suốt quá trình sử dụng.

- Thực hiện đầy đủ những yêu cầu về phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Dự toán xây dựng công trình là cơ sở để quản lý vốn, giá thiết bị mô tơ lấy theo chứng thư thẩm định giá do chủ đầu tư cung cấp. Quá trình triển khai các bước tiếp theo, chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định. Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác về thành phần, số lượng, khối lượng công việc của hồ sơ mời thầu và giám sát chặt chẽ khối lượng thực hiện để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước, tránh thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS thuộc quận Ba Đình; Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình; Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn Viglacera; Giám đốc Công ty Cổ phần CONINCO 3C và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Quận uỷ; TT.HĐND quận (để b/c);
- Các Đ/c PCT UBND quận;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Nam Chiến

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: LẮP ĐẶT MÁI CHE DI ĐỘNG SÂN TRƯỜNG TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH

ĐỊA ĐIỂM: TẠI 28 TRƯỜNG HỌC THUỘC QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI

STT	CHI PHÍ	CƠ SỞ TÍNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG + THIẾT BỊ					24.944.137.847	2.494.413.785	27.438.551.632	Gxd+Gtb
I	Chi phí xây dựng					23.151.774.211	2.315.177.421	25.466.951.632	Gxd
1	Mái xếp di động	Bảng tổng hợp				22.921.205.100	2.292.120.510	25.213.325.610	
2	Phần kết nối với hệ thống báo cháy	Bảng tổng hợp CPXD				199.701.410	19.970.141	219.671.551	
3	Mái bạt di động có tay co dãn mái	Bảng tổng hợp CPXD				30.867.701	3.086.770	33.954.471	
II	Chi phí thiết bị (động cơ cuốn bạt)	Bảng tổng hợp CPTB				1.792.363.636	179.236.364	1.971.600.000	Gtb
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT16/2019/TT-BXD	2,735%	80%	(Gxd+Gtb)	545.777.736		545.777.736	Gqlda
C	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD					1.667.866.010	166.786.601	1.834.652.611	Gtv
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát hiện trạng CT	Hợp đồng				1.497.491	149.749	1.647.240	
2	Chi phí khảo sát hiện trạng công trình					49.916.364	4.991.636	54.908.000	
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi					300.299.571	30.029.957	330.329.528	
4	Chi phí lập thiết kế BVTC + dự toán					444.127.758	44.412.776	488.540.534	TKP
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công					53.584.438	5.358.444	58.942.882	
6	Chi phí thẩm tra dự toán					52.338.288	5.233.829	57.572.117	
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng+ thiết bị					665.460.887	66.546.089	732.006.975	GS
7.1	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TT16/2019/TT-BXD	2,809%	*	Gxd	650.333.338	65.033.334	715.366.671	
7.2	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,844%	*	Gtb	15.127.549	1.512.755	16.640.304	
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Hợp đồng				10.998.182	1.099.818	12.098.000	
10	Chi phí giám sát công tác khảo sát		4,072%	*	KS	2.032.594	203.259	2.235.854	
11	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát XD+TB		0,696%	*	GS	4.631.608	463.161	5.094.769	
12	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp		0,330%	*	Gxd	76.400.855	7.640.085	84.040.940	

11/2021

STT	CHI PHÍ	CƠ SỞ TÍNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
13	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thiết bị		0,367%	*	Gtb	6.577.975	657.797	7.235.772	
D	CHI PHÍ KHÁC					418.827.348	24.320.690	443.148.039	
1	Phí thẩm định dự án đầu tư	QDPD dự án số 2454/QĐ-UBND ngày 05/11/2020)				5.950.163		5.950.163	
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC xây dựng công trình	210/TT-BXD, TT 34/2020/TT-BTC	0,0457%		Gxd	11.638.397		11.638.397	
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng công		0,0442%		Gxd	11.256.393		11.256.393	
4	Chi phí kiểm toán	TT 10/2020/TT- BTC	0,559%	*	TMĐT	186.122.164	18.612.216	204.734.380	
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		0,344%	*	TMĐT	114.536.716		114.536.716	
6	Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng	329/2016/TT-BTC	0,120%	*	(Gxl+Gtb)	29.932.965	2.993.297	32.926.262	
7	Chi phí thỏa thuận với các cơ quan chuyên ngành		TT			30.000.000		30.000.000	
8	Chi phí thẩm duyệt PCCC	TT 258/2016/TT-BTC	0,01%	*	Gxd	2.238.777		2.238.777	
9	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thiết bị	63/2014/NĐ-CP	tối thiểu		Gtb	2.000.000	200.000	2.200.000	
10	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu giám sát	63/2014/NĐ-CP	tối thiểu	*	GS	2.000.000	200.000	2.200.000	
11	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thi công xây lắp	63/2014/NĐ-CP	0,1%	*	Gxd	23.151.774	2.315.177	25.466.952	
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	06/TT-BXD				2.757.660.894	275.766.089	3.033.426.984	Gdp
1	Chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh		10% x (A+B+C+D)			2.757.660.894	275.766.089	3.033.426.984	Gdp1
	Tổng cộng					30.334.269.836	2.961.287.166	33.295.557.002	TMĐT
	Làm tròn							33.295.557.000	

